Bộ GD&ĐT **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Trường đại học SPKT **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khoa: Công nghệ may và thời trang \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ch­ương trình giáo dục đại học**

**Ngành đào tạo:** Công nghệ may

**Trình độ đào tạo:** Đại học chính qui, đại học liên thông, cao đẳng chính qui

**Chương trình đào tạo:** Công nghệ may

# Đề c­ương chi tiết học phần

1. **Tên học phần: Nguyên phụ liệu may Mã học phần:** GMAC230551
2. **Tên Tiếng Anh: Textile Materials: Fabrics and Garment Accessories**
3. **Số tín chỉ: 3**
4. **Phân bố thời gian**: (học kỳ 15 tuần) *3 (3/0/6)*
5. **Các giảng viên phụ trách học phần**

1/ GV phụ trách chính: **Nguyễn Tuấn Anh**

2/ Danh sách giảng viên cùng GD:

2.1/ **Tạ Vũ Thục Oanh**

2.2/ **Nguyễn Thị Luyên**

2.3/ **Nguyễn Thị Thúy**

1. **Điều kiện tham gia học tập học phần**

**Môn học trước:** Không.

**Môn học tiên quyết:** Nguyên liệu dệt

**Dụng cụ học tập:** Mẫu vải, phụ liệu may, hình ảnh, máy chiếu…

1. **Mô tả tóm tắt học phần:**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất, xử lý hoàn tất và phạm vi ứng dụng của các loại vải thông dụng; giới thiệu một số cách kiểm tra, đánh giá chất lượng vải trước khi đưa vào sản xuất, những đặc điểm cơ bản và ứng dụng các loại phụ liệu trên sản phẩm may.

1. **Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU**  **HỌC PHẦN** | **MÔ TẢ MỤC TI**Ê**U HỌC PHẦN**  **(HP này trang bị cho sinh viên:)** | **CHUẨN ĐẦU RA CTĐT** |
| **G1** | Kiến thức về cấu tạo, tính chất, xử lý hoàn tất cơ bản của các loại nguyên phụ liệu may. | **1.3** |
| **G2** | Khả năng nhận biết, phân tích, đánh giá tính chất và cấu trúc của nguyên phụ liệu may thông dụng. | **2.1, 2.2** |
| Khả năng lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp với sản phẩm may mặc và đề xuất phương pháp sử dụng - bảo quản phù hợp với thực tế | **2.3, 2.4, 2.5** |
| **G3** | Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin và tổng hợp kiến thức. | **3.1, 3.2** |
| **G4** | Khả năng nhận biết ảnh hưởng của nguyên phụ liệu dệt đến xã hội, thời trang và doanh nghiệp may mặc | **4.1.2**  **4.2.4** |

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

| **CĐR**  **HỌC PHẦN** | | **MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**  **(Sau khi học xong, sinh viên sẽ có khả năng:)** | **CHUẨN ĐẦU RA CTĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| **G1** | **G1.1** | Trình bày được những khái niệm cơ bản vải | **1.2** |
| **G1.2** | Trình bày được cấu trúc, tính chất, quá trình xử lý hoàn tất, ứng dụng của vải dệt | **1.2** |
| **G1.3** | Trình bày được kiến thức cơ bản về cấu trúc, tính chất, phương pháp sản xuất, phạm vi ứng dụng của vải không dệt | **1.2** |
| **G1.4** | Trình bày được kiến thức cơ bản về cấu trúc, tính chất, ứng dụng của phụ liệu may thông dụng | **1.2** |
| **G2** | **G2.1** | Vận dụng kiến thức để nhận biết các loại nguyên phụ liệu may thông dụng. | **2.1.1** |
| **G2.2** | Thực hiện được một số thí nghiệm cơ bản để nhận biết và đánh giá tính chất các loại nguyên phụ liệu may | **2.2.2** |
| **G2.3** | Vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá chất lượng các loại nguyên phụ liệu may thông dụng. | **2.3.1** |
| **G2.4** | Vận dụng kiến thức linh hoạt để giải quyết các vấn đề sử dụng nguyên phụ liệu may | **2.4.2** |
| **G2.5** | Cập nhật thông tin mới trong lĩnh vực nguyên phụ liệu may | **2.5.4** |
| **G3** | **G3.1** | Thực hiện giải quyết vấn đề theo nhóm | **3.1.2** |
| **G3.2** | Thuyết trình và giao tiếp hiệu quả | **3.2.6** |
| **G3.3** | Đọc, hiểu một số tài liệu tiếng Anh về lĩnh vực nguyên phụ liệu may | **3.3.1** |
| **G4** | **G4.1** | Nhận thức được tầm quan trọng và ảnh hưởng của nguyên phụ liệu may đến lĩnh vực may mặc | **4.1.2** |
| **G4.2** | Nhận biết được nhu cầu của thị trường về nguyên phụ liệu may. | **4.2.3** |
| Nhận biết vị trí công việc có liên quan đến nguyên phụ liệu may. | **4.2.4** |

1. **Nhiệm vụ của sinh viên**

SV không thực hiện đủ chỉ một trong các nhiệm vụ sau đây sẽ bị cấm thi:

* Dự lớp: 75%
* Bài tập: 75%

1. **Tài liệu học tập**

* ***Sách, giáo trình chính***

[1] Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên phụ liệu may - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM - 2012.

[2] Nguyễn Tuấn Anh - Quá trình hoàn tất vải - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM - 2012.

* ***Sách tham khảo***

[1] Nguyễn Văn Lân, Vật liệu dệt, ĐH Bách Khoa TP.HCM, 1999

[2] Nguyễn Trung Thu, Vật liệu dệt, ĐH Bách Khoa Hà Nội, 1999

[3] Trần Thủy Bình, Lê Thị Mai Hoa - Giáo trình Vật liệu dệt may - NXB Giáo dục, 2005

[4] Nguyễn Công Toàn, Công nghệ nhuộm và hoàn tất vải, NXB- ĐHQG TP.HCM, 2005.

[5] Kathryn L. Hatch - Textile Science - USA, 1993

1. **Tỷ lệ phần trăm các thành phần điểm và các hình thức đánh giá sinh viên**

| **STT** | **Nội dung** | **Chuẩn**  **đầu ra** | **%**  **điểm số** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Đánh giá quá trình (50%)** | | | | |
| **BT1** | Tìm hiểu thị trường nguyên phụ liệu may hiện nay của nước ta.  Tìm hiểu các vị trí tuyển dụng của doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực nguyên phụ liệu may | G4.1  G4.2 G3.1  G3.2 | 10% | |
| **BT2** | Sưu tầm một sản phẩm may mặc và thực hiện các nhiệm vụ sau:   1. Gọi tên sản phẩm, nêu mục đích sử dụng, tính chất sản phẩm. Nêu nhận xét về tính chất của vải dùng cho sản phẩm. 2. Tìm hiểu tên vải (dệt thoi, dệt kim, không dệt), thành phần xơ sợi, tên kiểu dệt và phân tích kiểu dệt (khuyến khích), xác định các đặc trưng của vải trên chi tiết của sản phẩm 3. Tìm hiểu dáng người phù hợp với sản phẩm, đề xuất phương pháp bảo quản sản phẩm . 4. Sưu tầm một số mẫu vải phù hợp với kiểu dáng sản phẩm 5. Gọi tên phụ liệu, mục đích sử dụng, vị trí sử dụng 6. Phân tích độ tương thích giữa nguyên liệu và phụ liệu | G2.1  G2.3  G2.4  G2.5  G3.1  G3.2  G3.3 | 40% | |
| **BT3** | Ứng dụng phối hợp các kiểu dệt đã học để dệt một mảnh vải (20 cm x 20 cm) có nhiều hiệu ứng khác nhau | G2.2  G3.1  G3.2 | 30% | |
| **BT4** | Thực hiện thí nghiệm để chứng minh vải dệt kim 1 mặt phải có tính quăn mép, tuột vòng và kém ổn định kích thước | G2.2  G3.1  G3.2 | 20% | |
| **BT5** | Thuyết trình về một loại xơ sợi dệt đặc biệt (xơ sợi dệt mới) | G4.1  G4.2 G3.1  G3.2 | 10% | |
| 1. **Đánh giá cuối kỳ (50%)** | | | | |
| * Đề mở hoặc đề đóng * Đánh giá các chuẩn đầu ra:   + Nhóm mục tiêu G1: G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5   + Nhóm mục tiêu G2: G2.1, G2.3, G2.4   + Nhóm mục tiêu G3: G3.3   + Nhóm mục tiêu G4: G4.1, G4.2 | | | | |

1. **Thang điểm: 10**

* Quá trình chiếm 50%
* Cuối kỳ chiếm 50%

1. **Kế hoạch thực hiện học phần theo tuần**

| **TUẦN** | **NỘI DUNG** | **CĐR HỌC PHẦN** |
| --- | --- | --- |
|  | **Chương 1: TỔNG QUAN VỀ VẢI** | G1.1  G4.1  G4.2 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  1.1. Khái niệm về vải  1.2. Lịch sử phát triển của vải  1.3. Phân loại vải.  1.4. Phương pháp sản xuất  1.4. Đặc trưng cơ bản của vải.  1.4.1. Hình dáng vải (mặt vải, biên vải, chiều dài, khổ vải).  1.4.2. Trọng lượng vải (độ chứa đầy của vải, mật độ, độ dày, khối lượng của vải).  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Chia nhóm (5 SV): Sưu tầm một sản phẩm may mặc 🡪 GV duyệt sản phẩm vào tuần 2 2. Tìm hiểu thị trường nguyên phụ liệu may hiện nay của nước ta. 3. Tìm hiểu các vị trí tuyển dụng của doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực nguyên phụ liệu may | G1.1  G4.1  G4.2 |
|  | **Chương 1: TỔNG QUAN VỀ VẢI (tt)** | G1.1  G4.1  G4.2 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  1.5. Tính chất cơ bản của vải.  1.5.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất của vải (bản chất xơ, sợi; phương pháp sản xuất; quá trình hoàn tất, quá trình sử dụng và bảo quản...)  1.5.2. Độ bền cơ lý của vải (độ bền kéo, độ bền uốn, độ bền ma sát...).  1.5.3. Ngoại quan của vải (Độ nhàu, độ mềm rũ, độ co, độ giãn, hiện tượng giạt sợi, tuột vòng)  1.5.4. Màu sắc vải (độ đều màu, độ bền màu).  1.5.5. Tính hấp thu của vải (độ hút nước, độ ẩm, độ thông khí, độ chống thấm...)  1.5.6. Tính chịu nhiệt (độ giữ nhiệt, độ chống nhiệt, độ chống lửa...).  1.5.7. Tính nhiễm điện.  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích : Tên sản phẩm, mục đích sử dụng, tính chất sản phẩm 🡪 Nhận xét về tính chất của vải trên sản phẩm may. 2. Sơ đồ hóa nội dung đã học ở Chương 1 | G1.1  G4.1  G4.2 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT*** | G1.2  G2.1  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.1. Khái niệm vải dệt  2.2. Nguyên lý dệt vải  2.3. Vải dệt thoi  2.3.1. Đặc trưng chung (hệ thống sợi, canh sợi, mật độ sợi, chi số sợi, độ chứa đầy, khối lượng)  2.3.2. Cấu trúc vải dệt thoi  2.3.2.1. Thuật ngữ (kiểu dệt, điểm nổi, phương pháp biểu diễn, quy ước biểu diễn, rappo, bước chuyển...)  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt): Tên vải (dệt thoi, dệt kim, không dệt), thành phần xơ sợi, tên kiểu dệt và phân tích kiểu dệt (khuyến khích), xác định các đặc trưng của vải trên chi tiết của sản phẩm 2. Tìm hiểu những dạng lỗi thường gặp của vải dệt thoi | G1.2  G2.1; G2.3  G2.4  G3.1; G3.2  G3.3 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT (tt)*** | G1.2  G2.1  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.3.2.2. Một số kiểu dệt thoi thông dụng (cấu trúc, tính chất, ứng dụng)   * Kiểu dệt vân điểm * Kiểu dệt vân chéo * Kiểu dệt vân điểm * Kiểu dệt phối hợp   **2.3.3. Tính chất chung của vải dệt thoi** (Độ co giãn thấp, hiện tượng tưa sợi, hiện tượng nhăn sau khi may, canh sợi)  **2.3.4.** **Những dạng lỗi thường gặp trên vải dệt thoi**  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Ứng dụng phối hợp các kiểu dệt đã học để dệt một mảnh vải (20 x 20 cm) có nhiều hiệu ứng khác nhau 🡪 bài tập nhóm (5 SV), hạn nộp sau khi kết thúc môn học 2. Sơ đồ hóa nội dung đã học ở chương 2 | G1.2; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT (tt)*** | G1.2;  G2.1  G2.3;  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.4. Vải dệt kim  2.4.1. Đặc trưng chung (vòng sợi, canh sợi, chi số sợi, khối lượng, độ chứa đầy)  2.4.2. Cấu trúc vải dệt kim  2.3.2.1. Thuật ngữ: (hàng vòng, cột vòng, bước vòng A, chiều cao hàng vòng B, quy luật... )  2.3.2.2. Một số kiểu dệt kim thông dụng   * Dệt kim đan ngang (cấu trúc, tính chất, ứng dụng): Single, Rib, Interlook   **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt):Tên vải (dệt thoi, dệt kim, không dệt), thành phần xơ sợi, tên kiểu dệt và phân tích kiểu dệt (khuyến khích), xác định các đặc trưng của vải trên chi tiết của sản phẩm 2. Tìm hiểu vấn đề thường gặp khi sử dụng sản phẩm may mặc từ vải dệt kim. | G1.4,  G2.1, G2.2, G2.3, G2.4 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT (tt)*** | G1.2  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.4.2. Cấu trúc vải dệt kim (tt)  2.4.2.2. Một số kiểu dệt kim thông dụng   * Dệt kim đan dọc (cấu trúc, tính chất, ứng dụng): đan xích, Tricot, Atlas   2.4.3. Tính chất chung của vải dệt kim (kém ổn định kích thước, tuột vòng, quăn mép...)  2.4.4. Những dạng lỗi thường gặp trên vải dệt kim  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Thí nghiệm chứng minh vải dệt kim 1 mặt phải có tính quăn mép, tuột vòng và kém ổn định kích thước 🡪 bài tập nhóm (5 SV), hạn nộp sau khi kết thúc chương vải dệt kim 2. Sơ đồ hóa nội dung chương 3 | G1.2  G2.1  G2.2  G2.3  G2.4 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT (tt)*** | G1.2  G2.1  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.5. Xử lý hoàn tất vải.  2.5.1. Tổng quan  2.5.1.1. Khái niệm và phân loại.  2.5.1.2. Mục đích của các xử lý hoàn tất.  2.5.1.3. Qui trình công nghệ xử lý hoàn tất vải.  2.5.2. Công nghệ tiền xử lý vải.  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Tìm hiểu quá trình hoàn tất vải Coton (quá trình tiền xử lý) | G1.2  G2.1; G2.3  G2.4 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT (tt)*** | G1.2  G2.1  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND** *và* **PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.5.3. Xử lý nhuộm – in hoa  2.5.3.1. Lý thuyết nhuộm.  2.5.3.2. Phân loại và tính chất thuốc nhuộm.  2.5.3.3. Kỹ thuật nhuộm.  2.5.3.4. Kỹ thuật in hoa.  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Tìm hiểu quá trình hoàn tất vải Coton (nhuộm, in hoa) | G1.2  G2.1; G2.3  G2.4 |
|  | ***Chương 2: VẢI DỆT (tt)*** | G1.2  G2.1  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  2.5.4. Kỹ thuật hoàn tất vải.  2.5.4.1. Kỹ thuật hoàn tất cơ học (mài, cào lông, xén lông, giặt mài, cái láng, phòng co, vắt ép mở khổ, sấy định hình).  2.5.5.2. Kỹ thuật hoàn tất hóa học (hồ mềm, chống nhàu, chống thấm, kháng khuẩn, chống cháy, chống tĩnh điện, chống vón hạt, chống tia tử ngoại, tạo mùi thơm, chống mục).  2.5.5. Sinh thái vải.  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Tìm hiểu quá trình hoàn tất vải Coton (hoàn tất hóa lý) | G1.2  G2.1; G2.3  G2.4 |
|  | ***Chương 3: VẢI KHÔNG DỆT*** | G1.3  G2.1; G2.3  G2.4;  G3.1; G3.2;  G3.3 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  3.1. Khái niệm vải không dệt  3.2. Phân loại  3.3. Nhóm vải không dệt từ liên kết cơ học  3.4. Nhóm vải không dệt từ liên kết nhiệt  3.5 Nhóm vải không dệt từ liên kết hóa học  3.6. Ứng dụng vải không dệt.  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt): Tên vải (dệt thoi, dệt kim, không dệt), thành phần xơ sợi, tên kiểu dệt và phân tích kiểu dệt (khuyến khích), xác định các đặc trưng của vải trên chi tiết của sản phẩm 2. Sơ đồ hóa nội dung chương 4 | G1.3  G2.1; G2.3  G2.4;  G3.1; G3.2;  G3.3 |
|  | ***Chương 4:* PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN VÀ BẢO QUẢN VẢI** | G2.1  G2.3  G2.4  G2.5  G4.1  G4.2 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  **4.1. Phương pháp lựa chọn vải**  4.1.1. Theo giới tính và lứa tuổi  4.1.2. Theo mùa và khí hậu.  4.1.3. Theo mục đích sử dụng (quần áo mặc lót, mặc thường, mặc khoác ngoài, quần áo lễ hội, quần áo đồng phục, quần áo bảo hộ...)  4.1.4. Theo vóc dáng cơ thể.  4.1.5. Quy trình lựa chọn vải cho trang phục  **4.2. Phương pháp bảo quản vải**  4.2.1. Trong quá trình lưu trữ vải (nhiệt độ, môi trường, độ ẩm, quy cách gấp xếp, côn trùng...)  4.2.2. Trong quá trình gia công và sử dụng vải  4.2.1.1. Phương pháp giặt - tẩy (nguyên lý, phương pháp sử dụng)  4.2.2.1. Phương pháp là - ủi (nguyên lý, phương pháp, thông số kỹ thuật)  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt):  * Dáng người phù hợp với sản phẩm, đề xuất phương pháp bảo quản sản phẩm . * Sưu tầm một số mẫu vải phù hợp với kiểu dáng sản phẩm  1. Sơ đồ hóa nội dung chương 6 | G2.1; G2.2  G2.3; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3 |
|  | ***Chương 5:* PHỤ LIỆU MAY** | G1.4  G2.1  G2.3  G2.4  G2.5 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  5.1. Khái quát chung về phụ liệu may.  5.2. Phân loại phụ liệu may  5.3. Phụ liệu liên kết.  5.3.1. Khái niệm chung  5.3.2. Chỉ may  5.3.2.1. Khái niệm chỉ may (nguyên lý tạo chỉ, ký hiệu chỉ...)  5.3.2.2. Cơ sở xây dựng chỉ may (độ xoắn, hướng xoắn, kích cỡ chỉ, các hệ đơn vị đo kích cỡ chỉ)  5.3.2.4. Phân loại chỉ may  5.3.2.5. Tính chất chỉ may (màu sắc; độ bền; kích cỡ; độ săn; độ co giãn; )  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt):  * Tên phụ liệu, mục đích sử dụng, vị trí sử dụng * Phân tích độ tương thích giữa nguyên liệu và phụ liệu  1. Sưu tầm một số mẫu keo (mex dính) | G1.4; G2.1; G2.2; G2.3; G2.4; G2.5  G3.1; G3.2; G3.3 |
|  | ***Chương 5:* PHỤ LIỆU MAY (tt)** | G1.4  G2.1  G2.3  G2.4  G2.5 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  5.4. Phụ liệu keo dựng.  5.4.1. Khái niệm.  5.4.2. Phân loại.  5.4.3. Dựng dính (khái niệm, phạm vi sử dụng, phân loại, đặc điểm yêu cầu, nguyên tắc chọn lựa, thông số ủi ép)  5.4.4. Dựng không dính (khái niệm, phạm vi sử dụng, phân loại, đặc điểm yêu cầu, nguyên tắc chọn lựa, thông số kỹ thuật)  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt):  * Tên phụ liệu, mục đích sử dụng, vị trí sử dụng * Phân tích độ tương thích giữa nguyên liệu và phụ liệu  1. Tìm hiểu về dây kéo và một số vị trí thường dùng dây kéo trên sản phẩm may | G1.5  G2.1; G2.2  G2.3; G2.4  G2.5 |
|  | ***Chương 5:* PHỤ LIỆU MAY (tt)** | G1.4  G2.1  G2.3  G2.4  G2.5 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  5.5. Phụ liệu cài.  5.5.1. Nút cài (khái niệm, phạm vi sử dụng; phân loại; một số yêu cầu; nguyên tắc chọn lựa và sử dụng).  5.5.2. Dây kéo (khái niệm, phạm vi sử dụng, phân loại, một số yêu cầu, nguyên tắc chọn lựa dây kéo và sử dụng bảo quản dây kéo)  5.5.3. Khoen móc (khái niệm, phạm vi sử dụng, phân loại, một số yêu cầu, nguyên tắc chọn lựa, sử dụng và bảo quản khoen móc)  5.4.4. Nhám dính (khái niệm, phạm vi sử dụng, phân loại, một số yêu cầu, nguyên tắc chọn lựa, sử dụng và bảo quản nhám dính)  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*   1. Trên sản phẩm GV đã duyệt, SV tiến hành phân tích (tt):  * Tên phụ liệu, mục đích sử dụng, vị trí sử dụng * Phân tích độ tương thích giữa nguyên liệu và phụ liệu | G1.4  G2.1; G2.2  G2.3; G2.4  G3.1; G3.2  G3.3 |
|  | ***Chương 8: Xơ sợi dệt đặc biệt*** | G1.4  G2.1  G2.3  G2.4 |
| ***A/*****Tóm tắt các ND và PPGD trên lớp***: (3)*  **Nội dung GD trên lớp**  5.6. Phụ liệu trang trí (định nghĩa, phân loại, mục đích)  5.7. Phụ liệu lót (định nghĩa, phân loại, mục đích)  5.8. Phụ liệu bao gói (định nghĩa, phân loại, mục đích)  5.9. Phối hợp phụ liệu với nguyên liệu may (vải)  5.9.1. Phối hợp keo với vải.  5.9.2. Sự phù hợp giữa chỉ và vải  5.9.3. Phối hợp các loại phụ liệu khác với vải.  5.9.4. Sự phối hợp giữa vải lót và vải chính  **Tóm tắt các PPGD***:*  + Thao giảng, thuyết trình và tương tác với sinh viên |
| ***B/*****Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(6)*  + Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học. |  |

**14. Đạo đức khoa học:**

Sinh viên và giáo viên khi nghiên cứu môn học này cần có thái độ trung thực, báo cáo đúng các thông số thí nghiệm, tôn trọng tác quyền của các tài liệu, không sao chép khi chưa có sự cho phép của tác giả hoặc sao chép phải chỉ rõ nguồn trích dẫn.

Sinh viên cần có thái độ yêu thích nghiên cứu khoa học vật liệu dệt, đề ra các sáng kiến để nâng cao kiến thức và cải tiến chất lượng nguyên liệu dệt.

**15. Ngày phê duyệt:** Ngày…… tháng………năm 2014

**16. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng khoa Tổ trưởng BM Người biên soạn**

**Vũ Minh Hạnh Nguyễn Ngọc Châu Nguyễn Tuấn Anh**

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lấn 1:** Nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày/tháng/năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Tổ trưởng bộ môn: |
| **Lấn 2:** Nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày/tháng/năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Tổ trưởng bộ môn: |